

Số: 119 /GP-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 23/9/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng đá xây dựng trong “Báo cáo kết quả thăm dò đá xây dựng tại khoảnh 6, tiểu khu 209, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp”;

Căn cứ Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá khoảnh 6, tiểu khu 209, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 686/ TTr-STNMT, ngày 15/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông Đắk Lắk được khai thác chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại khoảnh 6, tiểu khu 209, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp với những nội dung sau:

1. Diện tích khu vực khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường là 72.739 m² (Bảy mươi hai ngàn bảy trăm ba chín mét vuông), trong đó: Diện tích khu vực khai thác 50.000 m² được giới hạn bởi các điểm M₁, M₂, M₃, M₄ theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1761/TL-VPĐKĐĐ ngày 08/12/2016; Diện tích khu vực chế biến 22.739 m² được giới hạn bởi các điểm từ P₁ đến điểm P₆ theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1755/TL-VPĐKĐĐ ngày 06/12/2016 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh lập.

2. Độ sâu khai thác: 24 mét đến col 146 mét

3. Trữ lượng: - Trữ lượng địa chất: 948.064 m³;

- Trữ lượng khai thác đá nguyên khai: 950.378 m³



4. Công suất:

- Công suất khai thác: 35.000 m³ (đá nguyên khai/năm).
- Công suất chế biến: 28.800 m³ (đá thành phẩm/năm).

5. Thời gian khai thác chế biến đá: 28 năm, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Giấy phép cho phép khai thác đá.

6. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp: 3.728.484.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu bốn trăm tám tư ngàn đồng chẵn).

7. Số tiền nộp hàng năm (T_{hn}): 266.320.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Lần nộp	Năm	Mức thu (đồng)	Ghi chú
1	2017	266.320.000	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp từ lần thứ hai phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm nộp tiền nếu giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có sự thay đổi, theo Quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2	2018	266.320.000	
3	2019	266.320.000	
4	2020	266.320.000	
5	2021	266.320.000	
6	2022	266.320.000	
7	2023	266.320.000	
8	2024	266.320.000	
9	2025	266.320.000	
10	2026	266.320.000	
11	2027	266.320.000	
12	2028	266.320.000	
13	2029	266.320.000	
14	2030	266.320.000	

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này:

1. Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông Đắk Lắk có trách nhiệm:

- Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường, với số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng)/01 giấy phép theo Thông tư số 129/2011/TT-BTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tài chính và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng tại khoảnh 6, tiểu khu 209, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi

trường;

- Thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định;
- Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;
- Tiến hành hoạt động khai thác chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng, công suất theo đúng quy định tại Giấy phép khai thác;

Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; ký hợp đồng thuê đất; có giấy phép sử dụng vật liệu nổ; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; thông báo về giám đốc điều hành mỏ và kế hoạch khai thác chế biến đá, đăng ký hoạt động khai thác khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi đi vào hoạt động. Khi hết hạn khai thác cải tạo, phải phục hồi môi trường, lập thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định của pháp luật.

2. Cục thuế tỉnh có trách nhiệm:

- Ban hành thông báo cho Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông Đắk Lắk nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, xử phạt các vi phạm theo quy định của pháp luật về thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có);
- Cung cấp thông tin liên quan đến việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khoảnh 6, tiểu khu 209, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp của Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông Đắk Lắk cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết, theo dõi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ea Súp; Giám đốc Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông Đắk Lắk và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đ/c Nguyễn Đức Vinh-PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNMT. Tg 22

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knong

